

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2023.

“V/v: Kiện ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Hoàng Sơn

2. Ông Trần Hữu Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2023 về việc “Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Đức A - sinh năm 1980;

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với anh Lê Đức A từ ngày 14/8/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng không thể tiếp tục chung sống với anh Đức A. Đến nay nhận thấy không còn tình cảm với anh Đức A nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị T ly hôn với anh Lê Đức A.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị T và anh Lê Đức A có 01 con chung là Lê Việt H - sinh ngày 20/06/2007.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị Trần Thị T có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con các chung đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đức A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức A và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 2006 như Chị T trình bày.

Trong quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc và kinh doanh. Đến nay, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đức A không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Đức A và Chị T có 01 con chung như Chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Đức A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 13/4/2023: Cháu Lê Việt H có nguyện vọng ở với mẹ.

Nội dung biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án nhân dân huyện E ngày 24/5/2023 thể hiện nội dung: Mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đức A không có báo cáo nên chính quyền địa phương không nắm được.

Chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng anh Lê Đức A vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc ly hôn với anh Lê Đức A. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với anh Lê Đức A là “Kiện ly hôn và

tranh chấp về nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Đức A đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh Lê Đức A vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Đức A chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền 01/2006 trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của Chị T, thời gian chung sống giữa Chị T và anh Đức A có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Lê Đức A cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa anh và Chị T xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, kinh doanh.

Qua xác minh tại địa phương nơi Chị T và anh Đức A sinh sống thì không rõ mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đức A.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù địa phương không xác định được mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đức A. Tuy nhiên, Chị T và anh Đức A đều trình bày giữa anh chị có mâu thuẫn về kinh tế. Theo ý kiến của Chị T, hiện tại chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh Đức A. Xét thấy, mâu thuẫn trong gia đình không giải quyết được, hai bên không còn mong muốn tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị T và anh Lê Đức A có 01 con chung là Lê Việt H, sinh ngày 20/06/2007. Nguyên vọng của Chị T là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về việc nuôi dưỡng con chung, anh Đức A đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con. Cháu Lê Việt H có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của Chị T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Anh Đức A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266

của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Đức A.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Việt H - sinh ngày 20/6/2007 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Lê Đức A có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011161 ngày 10/3/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND P. H, V, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy